TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 12 - 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Hạnh

2. Ông Phan Thanh Dũng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Minh Khang, kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 614/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *N đơn*: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1981
Địa chỉ: Ấp TT, xã TXB, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Anh Lư Văn Th, sinh năm 1978
Địa chỉ: Ấp TT, xã TXB, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(N đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

N đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Lư Văn Th chung sống có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2002. Vợ chồng chị có 02 người con chung tên Lư Thị Hạnh N, sinh ngày 30/6/2000 và Lư Thị Kim Y, sinh ngày 30/9/2004. Sau khi sinh cháu Y thì vợ chồng hay mâu thuẫn, tình cảm ngày càng giảm sút. Khoảng 04 năm nay chị đi làm tại

Long An và không còn chung sống với anh Th nữa. Vợ chồng chị cũng đã cố gắng hàn gắn vun vén tình cảm nhưng không hiệu quả. Nay chị cảm thấy không còn tình cảm với anh Th và không thể quay về đoàn tụ với anh Th. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Hiện nay cháu N đã có gia đình riêng (có chồng). Cháu Y cũng đã trưởng thành và phát triển bình thường. Tại bản tự khai chị nộp kèm theo hồ sơ khởi kiện, chị có yêu cầu giải quyết về con chung là cho chị được tiếp tục nuôi cháu Y. Vì thời điểm chị làm đơn khởi kiện thì cháu Y chưa đủ 18 tuổi. Đến thời điểm chị nộp đơn và Tòa án thụ lý hồ sơ thì cháu Y đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung. Chỉ yêu cầu được ly hôn với anh Lư Văn Th. Vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản và không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Lư Văn Th hiện đang sinh sống tại Ấp TT, xã TXB, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng anh Th đều từ chối nhận. Anh Th cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: N đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc xin được ly hôn với ông Lư Văn Th; Về tài sản chung và nợ chung: N đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về con chung: có hai người, Lư Thị Hạnh N, sinh ngày 30/6/2000 và Lư Thị Kim Y, sinh ngày 30/9/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lư Văn Th có địa chỉ thường trú tại ấp TT, xã TXB, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Lư Văn Th có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị D và anh Th là tự nguyện và hợp pháp. Chị D xác định, vợ chồng chị không còn chung sống khoảng 04 năm nay, chị không còn tình cảm với anh Th, không đồng ý quay về đoàn tụ với anh Th và kiên quyết đơn phương ly hôn dù cho anh Th có chấp nhận hay không. Bản thân anh Th, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đã từ chối nhận văn bản và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa, cho thấy anh không còn muốn nếu kéo dài quan hệ hôn nhân với nguyên đơn, chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng khiến mục đích hôn nhân không đạt được, và tình trạng hôn nhân không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Lư Văn Th.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Lư Văn Th có 02 người con chung tên Lư Thị Hạnh N, sinh ngày 30/6/2000 và Lư Thị Kim Y, sinh ngày 30/9/2004. Chị D xác định các cháu N và Y hiện nay đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Lư Văn Th.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị D đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005627 ngày 03/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được chuyển thu án phí.

4. N đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm